

Số: 370/CV-NTPV/v: *Đính chính CBTT BCTC kiểm toán soát xét bán niên 2015*

TP HCM, ngày 11 tháng 09 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CTCP Nhựa Tân Phú
2. Mã chứng khoán: TPP
3. Địa chỉ trụ sở chính: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: 08 – 38655652 Fax: 08 - 38607622
5. Người thực hiện đính chính công bố thông tin: Lê Viết Hùng
6. Nội dung đính chính:

Căn cứ Công văn số 200/2015/CV-CPA ngày 10/09/2015 của Công Ty Hợp Danh Kiểm toán Việt Nam về việc “*Đính chính nội dung Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) đã được soát xét*”, Công Ty CP Nhựa Tân Phú xin đính chính các nội dung dưới đây:

- 6.1. Điều chỉnh trên BCTC công ty mẹ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2015 được lập ngày 26 tháng 08 năm 2015:

- Chỉ tiêu “Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được” (Mã số 33) số tiền từ 815.219.680.450 đồng thành 176.807.889.176 đồng trên BCLCTT thời kỳ từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.
- Chỉ tiêu “Tiền chi trả nợ gốc vay” (Mã số 34) số tiền từ 766.102.712.184 đồng thành 121.697.132.711 đồng trên BCLCTT thời kỳ từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.
- Chỉ tiêu “Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính” (Mã số 35) số tiền từ 826.204.200 đồng thành 6.819.992.399 đồng trên BCLCTT thời kỳ từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.

- 6.2. Điều chỉnh BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2015 được lập ngày 26 tháng 08 năm 2015:

- Chỉ tiêu “ Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát” (Mã số 62) số tiền 17.697.710 đồng thành -17.697.710 đồng trên BCKQHĐKD thời kỳ từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.
- Chỉ tiêu “Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được” (Mã số 33) số tiền 1.015.568.376.441 đồng thành 270.555.587.980 đồng trên BCLCTT thời kỳ từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.
- Chỉ tiêu “Tiền chi trả nợ gốc vay” (Mã số 34) số tiền 976.510.565.943 đồng thành 225.503.989.283 đồng trên BCLCTT thời kỳ từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.
- Chỉ tiêu “Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính” (Mã số 35) số tiền 826.204.200 đồng thành 6.819.992.399 đồng trên BCLCTT thời kỳ từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Số liệu đính chính này cần được đính kèm và đọc cùng Báo cáo tài chính kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2015 công ty mẹ và hợp nhất đã được công bố thông tin ngày 29/08/2015.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.tanphuplastic.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu



Lê Viết Hùng

Số: 200/2015/CV/CPA VIETNAM/HCM

V/v: đính chính nội dung Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) đã được soát xét

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2015

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú
Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Hợp đồng kiểm toán số 88/2016/HĐKT-BCTC/CPAVIETNAM ngày 20 tháng 6 năm 2015, Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam - CPA VIETNAM đã hoàn tất công việc soát xét Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Quý Công ty và đã phát hành Báo cáo soát xét số 512/2015/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM và Báo cáo soát xét số 513/2015/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM vào ngày 26 tháng 8 năm 2015. Tuy nhiên, do sơ xuất trong khâu đồng bộ hóa các dữ liệu thay đổi khi thực hiện đính kèm Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú.

Bằng văn bản này, chúng tôi xin đính chính lại số liệu so sánh trên trang 7 của Báo cáo tài chính riêng và trang 7, trang 8 của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú kèm theo Báo cáo soát xét số 512/2015/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM và Báo cáo soát xét số 513/2015/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM vào ngày 26 tháng 8 năm 2015, cụ thể như sau:

I. Trang 7 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ”

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	
		Số liệu đã trình bày	Số liệu trình bày lại
Tiền thu từ đi vay	33	815.219.680.450	176.807.889.176
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(766.102.712.184)	(121.697.132.711)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(826.204.200)	(6.819.992.399)

II. Trang số 7 “ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ”

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	
		Số liệu đã trình bày	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	17.697.710	(17.697.710)

III. Trang 8 “ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ”

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	
		Số liệu đã trình bày	Số liệu trình bày lại
Tiền thu từ đi vay	33	1.015.568.376.441	270.555.587.980
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(976.510.565.943)	(225.503.989.283)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(826.204.200)	(6.819.992.399)

Vậy, đề nghị quý Cơ quan thông báo các đính chính này đến người sử dụng Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 đã được soát xét và kết hợp với chúng tôi để sửa đổi lại các thông tin nêu trên trong Báo cáo tài chính kèm theo Báo cáo soát xét đã phát hành.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. BAN GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN ANH TUẤN

1505
CHI N
G TY
KIỂM
IẾT
TP. H
- TP.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2015 đến	Từ 01/01/2014 đến
			30/06/2015	30/06/2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	416.567.515.517	306.143.124.910
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.20	1.275.879.569	1.564.765.170
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	415.291.635.948	304.578.359.740
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	354.992.665.234	261.022.414.527
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		60.298.970.714	43.555.945.213
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	570.000.682	450.702.535
7. Chi phí tài chính	22	5.23	7.250.900.164	7.185.144.165
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.233.304.860	7.149.283.093
8. Phần lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		(1.515.304.690)	(364.581.377)
9. Chi phí bán hàng	25	5.24	13.195.400.777	9.979.134.234
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	26.251.813.290	17.379.717.135
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		12.655.552.475	9.098.070.837
12. Thu nhập khác	31	5.26	590.020.792	3.411.932.690
13. Chi phí khác	32	5.26	19.718.622	3.216.185.234
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		570.302.170	195.747.456
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		13.225.854.645	9.293.818.293
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	2.943.798.877	2.132.786.360
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(22.402.045)	9.693.151
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		10.304.457.813	7.151.338.782
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		9.896.185.794	7.169.036.492
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		408.272.019	(17.697.710)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	1.805	1.435

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thoại

Phụ trách Kế toán



Nguyễn Văn Thuận

Tổng Giám đốc



Lê Viết Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2015 đến	Từ 01/01/2014 đến
		30/06/2015	30/06/2014
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	13.225.854.645	9.293.818.293
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	13.643.409.666	10.407.634.649
- Các khoản dự phòng	3	(1.232.765.909)	20.090.000
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(26.721.129)	(4.612.277)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(183.965.300)	(45.195.360)
- Chi phí lãi vay	6	7.233.304.860	7.149.283.093
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	32.659.116.833	26.821.018.398
- Biến động các khoản phải thu	9	(6.388.642.791)	(21.614.724.339)
- Biến động hàng tồn kho	10	1.521.354.562	(31.160.240.957)
- Biến động các khoản phải trả	11	(15.083.352.363)	(1.415.325.715)
- Biến động chi phí trả trước	12	454.985.199	898.479.364
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.736.492.831)	(6.633.145.206)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.675.598.274)	(3.905.099.155)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.530.290.000)	(4.976.377.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.221.080.336	(41.985.415.170)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.025.463.181)	(15.803.447.210)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	1.240.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.011.920.000)	364.581.377
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	67.938.633	45.195.360
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.729.444.548)	(15.393.670.473)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	7.200.580.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	299.783.107.178	270.555.587.980
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(283.816.800.630)	(225.503.989.283)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(11.717.879.377)	(6.819.992.399)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	11.449.007.171	38.231.606.298
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.940.642.959	(19.147.479.345)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	19.928.232.705	31.514.089.518
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	26.135.642	13.179.857
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	23.895.011.306	12.379.790.030

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thoai

Phụ trách Kế toán



Nguyễn Văn Thuận

Tổng Giám đốc
CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ
Lê Việt Hùng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	11.585.146.545	9.274.426.824
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	13.400.389.089	9.996.522.628
- Các khoản dự phòng	3	1.911.574.649	364.581.377
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(24.054.618)	(5.120.720)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(281.978.736)	(42.487.741)
- Chi phí lãi vay	6	6.419.459.533	5.947.553.555
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	33.010.536.462	25.535.475.923
- Biến động các khoản phải thu	9	(23.365.853.832)	(36.153.085.792)
- Biến động hàng tồn kho	10	(1.877.508.497)	(20.198.472.462)
- Biến động các khoản phải trả	11	(2.081.547.490)	(6.284.915.249)
- Biến động chi phí trả trước	12	399.636.179	933.199.488
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.968.560.627)	(5.490.400.487)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.518.946.739)	(3.711.559.625)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.530.290.000)	(2.855.568.768)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.932.534.544)	(48.225.326.972)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.717.323.181)	(15.803.447.210)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	105.097.170	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	1.240.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.262.001.794)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	60.854.899	42.487.741
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.573.372.906)	(15.760.959.469)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	7.200.580.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	189.511.018.228	176.807.889.176
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(164.991.978.492)	(121.697.132.711)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(11.717.879.377)	(6.819.992.399)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.001.740.359	48.290.764.066
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.495.832.909	(15.695.522.375)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.728.263.512	26.715.893.515
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	23.469.130	13.179.857
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	19.247.565.551	11.033.550.997

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thoại

Phụ trách Kế toán



Nguyễn Văn Thuận

Tổng Giám đốc



Lê Việt Hùng